TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2026/HS-ST
Ngày: 25/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Như Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Khắc Hoàn
bà Đỗ Thị Kim Chinh - Nguyên Giáo viên trường tiểu học Hiệp Hòa.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 166/2026/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Ngọc N1**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 15/01/1983 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 1, khu L, phường Y, tỉnh Quảng Ninh; CCCD số 022xxxxxxxx cấp ngày 10/6/2021; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình T và bà Chu Thị K; vợ: Trần Thị Thu H; con: có 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/8/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" (đã chấp hành xong bản án ngày 26/02/2017); bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 23/4/2026 đến ngày 02/5/2026, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" và "tạm hoãn xuất cảnh", có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 23/11/2008; địa chỉ: thôn T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Đức K đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.1. Ông Nguyễn Đại N2, sinh năm: 1982; địa chỉ: thôn T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt

1.2. Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt

2. Cháu Lê Đức A, sinh ngày 11/12/2008; địa chỉ: tổ 27, khu phố Q8, phường U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Đức A:

2.1. Ông Lê Đức L, sinh năm: 1967; địa chỉ: tổ 27, khu phố Q8, phường U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2.2. Bà Ngô Thị P, sinh năm: 1975; địa chỉ: tổ 27, khu phố Q8, phường U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Vũ Đức L1, sinh năm 2008; địa chỉ: tổ 1, khu Đ, phường Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

4. Anh Đinh Ngọc L2, sinh năm: 2007; địa chỉ: khu Đ1, phường U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 2008; địa chỉ: khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6. Cháu Lê Văn Q, sinh ngày 12/9/2008; địa chỉ: tổ 2, khu Đ, phường Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Văn Q:

6.1. Ông Lê Trung T, sinh năm: 1985; địa chỉ: tổ 2, khu Đ, phường Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6.2. Bà Hoàng Thị D, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 2, khu Đ, phường Y, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng*: cháu Nguyễn Phi L3 (có mặt); người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Phi L3: ông Nguyễn Văn C (có mặt) và bà Lê Thị L (vắng mặt); anh Nguyễn Minh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Ngọc N1 là chủ quán bi-a và trò chơi trực tuyến N hoạt động gần Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng Quảng Ninh tại tổ 1, khu L, phường Y, tỉnh Quảng Ninh. Qua hoạt động kinh doanh này, N1 quen biết một nhóm học sinh của trường thường đến quán, gồm các cháu Nguyễn Đức K (sinh ngày 23/11/2008), cháu Lê Đức A (sinh ngày 11/12/2008), anh Vũ Đức L1 (sinh ngày 07/7/2008), cháu Đinh Ngọc L2 (sinh ngày 14/11/2007), anh Nguyễn Minh G (sinh ngày 11/4/2008) và cháu Lê Văn Q (sinh ngày 12/9/2008). Biết được các cháu chưa có thu nhập ổn định nhưng có nhu cầu vay tiền chi tiêu, sinh hoạt cá nhân nên từ đầu năm 2025 đến ngày 23/4/2026, N1 đã cho các cháu vay nhiều lần, với mức lãi suất thỏa thuận thống nhất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương ứng 182,5%/năm). Các khoản vay không quy định thời hạn cụ thể, người vay phải trả lãi hằng tháng (30 ngày/lần) cho đến khi trả hết nợ gốc, trường hợp vay và trả trong cùng một ngày, N1 vẫn tính đủ tiền lãi của 01 tháng (30 ngày). Mỗi lần cho vay, N1 dùng tài khoản ngân hàng của mình chuyển tiền, tự cắt lãi tháng đầu trước khi chuyển. Hàng ngày N1 sử dụng tài khoản Zalo tên "Ngọc N1" đăng ký số điện thoại 0984.xxx.xxx để liên lạc, trao đổi việc vay tiền và đốc thúc trả nợ.

Với thủ đoạn nêu trên, Đỗ Ngọc N1 đã cho các cháu K, Đức A, L1, L2, G, Q vay tổng cộng 46 lần, cụ thể như sau:

01. Cháu Nguyễn Đức K vay 10 lần từ ngày 23/4/2025 đến ngày 17/5/2025 với tổng số tiền 23.000.000 đồng, các khoản vay không có thời hạn, mỗi tháng trả lãi 01 lần; trong đó có 03 khoản với tổng số tiền 11.000.000 đồng do cháu Nguyễn Phi L3 (bạn của cháu K) đứng tên vay hộ theo đề nghị của cháu K, cháu L3 không được hưởng lợi. Cháu K đã trả cho N1 1.800.000 đồng tiền lãi. Ngày 13/11/2025, ông Nguyễn Đại N2 (bố đẻ cháu K) đã trả thay khoản nợ của cháu K cho N1 số tiền 25.000.000 đồng. Do ông N2 xin miễn lãi nên N1 đồng ý không tính lãi khoản vay của K từ ngày 13/11/2025. Đến ngày 23/12/2025, ông N2 tiếp tục chuyển khoản 5.000.000 đồng để trả phần nợ và một phần lãi còn lại.

Như vậy, tính đến ngày 13/11/2025, số tiền lãi theo thỏa thuận cháu K phải trả là 21.790.000 đồng (trong đó *số tiền lãi theo quy định* là 2.387.945 đồng; *số tiền lãi vượt quá 20%/năm* là 19.402.055 đồng). N1 đã nhằm thu lợi bất chính số tiền là 19.402.055 đồng. Cháu K và ông N2 đã trả cho N1 tổng số tiền 35.250.000 đồng, gồm 23.000.000 đồng tiền gốc và 12.250.000 đồng tiền lãi, (số tiền lãi vượt mức 20%/năm thực tế N1 đã thu là 9.862.055 đồng, số tiền lãi theo quy định Bộ luật Dân sự là 2.387.945 đồng).

02. Cháu Lê Đức A vay 06 lần từ ngày 01/6/2025 đến ngày 13/7/2025, với tổng số tiền 12.000.000 đồng, các khoản vay không có thời hạn, mỗi tháng trả lãi 01 lần. Khoản vay ngày 01/6/2025 (2.000.000 đồng), N1 cắt lãi 300.000 đồng, chuyển khoản 1.700.000 đồng; cháu Đức A đã trả đủ 2.000.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay này vào ngày 02/6/2025. Đối với 05 khoản vay còn lại, từ ngày 13/6/2025 đến ngày 13/7/2025 với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/4/2026, khi vụ việc bị Cơ quan điều tra phát hiện, cháu Đức A vẫn còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc chưa trả. Việc vay tiền của cháu Đức A có cháu Nguyễn Minh C (bạn của cháu Đức A) ký giấy bảo lãnh và 02 lần chuyển tiền lãi hộ, tổng số tiền 1.500.000 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 23/4/2026, số tiền lãi theo thỏa thuận cháu Đức A phải trả là 15.110.000 đồng (trong đó *số tiền lãi theo quy định* là 1.655.890 đồng; *số tiền lãi vượt quá 20%/năm* là 13.454.110 đồng). N1 đã nhằm thu lợi bất chính số tiền là 13.454.110 đồng. Cháu Đức A đã trả cho N1 tổng số tiền 3.800.000 đồng, gồm 2.000.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi vượt mức 20%/năm thực tế N1 đã thu là 144.110 đồng).

03. Anh Vũ Đức L1 vay 11 lần từ ngày 21/4/2025 đến ngày 28/5/2025 với tổng số tiền nợ gốc 31.000.000 đồng, các khoản vay không có thời hạn, mỗi tháng trả lãi 01 lần. Khoản vay ngày 21/4/2025 (2.000.000 đồng) và khoản vay ngày 26/5/2025 (5.000.000 đồng) đã được anh L1 trả trong ngày. Đối với các khoản vay còn lại, đến ngày 30/9/2025, anh L1 đã trả hết cho N1.

Như vậy, tính đến ngày 30/9/2025, số tiền lãi theo thỏa thuận anh L1 phải trả là 9.740.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định là 1.067.397 đồng; số tiền lãi vượt quá 20%/năm 8.672.603 đồng). Anh L1 đã trả cho N1 tổng số tiền 35.950.000 đồng, gồm 31.000.000 đồng tiền gốc và 4.950.000 đồng tiền lãi. N1 đã thu lợi bất chính số tiền là 3.882.603 đồng.

04. Anh Đinh Ngọc L2 vay 01 lần từ ngày 30/9/2025 với số tiền 4.500.000 đồng. N1 cắt lãi tháng đầu 675.000 đồng, đưa số tiền mặt là 3.825.000 đồng cho anh L2 và giữ Căn cước công dân của anh L2. Quá trình vay, anh L2 trả thêm cho N1 675.000 đồng tiền lãi tháng 10. Đến ngày 27/11/2025, anh L2 được gia đình trả hết nợ vào ngày 27/11/2025 và nhận lại căn cước.

Như vậy, tính đến ngày 27/11/2025, anh L2 đã trả cho N1 tổng số tiền 5.850.000 đồng, gồm 4.500.000 đồng tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi (trong đó số tiền lãi theo quy định là 147.945 đồng; số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.202.055 đồng). N1 đã thu lợi bất chính số tiền là 1.202.055 đồng.

05. Anh Nguyễn Minh G và cháu Lê Văn Q vay chung 18 lần từ ngày 16/4/2025 đến ngày 20/10/2025 với tổng số tiền 58.000.000 đồng, các khoản vay không có thời hạn, mỗi tháng trả lãi 01 lần, tiền gốc và tiền lãi do hai cháu chia đôi cùng trả. Anh G và cháu Q có 10 khoản vay từ ngày 16/4/2025 đến ngày 03/5/2025 được trả trong tháng, 08 khoản vay từ ngày 05/5/2025 đến ngày 20/10/2025 được trả lần lượt vào các ngày 24/9/2025, 16/3/2026 và 20/3/2026.

Tính đến ngày 20/3/2026, số tiền lãi theo thỏa thuận anh G và cháu Q phải trả là 17.660.000 đồng (trong đó số tiền lãi theo quy định là 1.935.342 đồng; số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 15.724.658 đồng), đã trả cho N1 tổng số tiền 75.660.000 đồng, gồm 58.000.000 đồng tiền gốc và 17.660.000 đồng tiền lãi. N1 đã thu lợi bất chính số tiền là 15.724.658 đồng.

Như vậy, Đỗ Ngọc N1 đã cho các cháu K, Đức A, L1, L2, G, Q vay tổng cộng 46 lần, với tổng số tiền cho vay là 128.500.000 đồng, mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận mà những người vay phải trả cho N1 là 65.650.000 đồng; trong đó số tiền lãi tương ứng mức 20%/năm là 7.194.519 đồng, số tiền lãi vượt mức 20%/năm mà N1 nhằm thu là 58.455.481 đồng. Tổng số tiền lãi N1 đã thu của những người vay là 38.010.000 đồng, trong đó phần lãi vượt mức 20%/năm thực tế đã thu là 30.815.481 đồng. Số tiền thu lợi bất chính chưa thu được là 27.640.000 đồng.

Ngày 23/4/2026, cháu Nguyễn Đức K và cháu Lê Đức A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh trình báo về hành vi cho vay lãi nặng của Đỗ Ngọc N1. Cùng ngày, Đỗ Ngọc N1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra còn giao nộp 01 điện thoại Iphone X, gắn sim số 0984.xxx.xxx.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đỗ Ngọc N1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, biên bản kiểm tra điện thoại và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Đức K, cháu Lê Đức A, anh Vũ Đức L1, anh Đinh Ngọc L2, anh Nguyễn Minh G, cháu Lê Văn Q, ông Nguyễn Đại N2 và người làm chứng Nguyễn Phi L3, Nguyễn Minh C về các khoản vay và quá trình trả nợ.

Về vật chứng và các tài sản bị tạm giữ: đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen gắn sim số 0984.xxx.xxx, hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh theo quy định.

Ngày 20/6/2026, bị cáo Đỗ Ngọc N1 tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bảo đảm thi hành án; Cơ quan điều tra đã chuyển số tiền này tới Kho bạc Nhà nước khu vực 3, tỉnh Quảng Ninh quản lý theo quy định.

Ngoài ra, tại phiên tòa:

Bị cáo Đỗ Ngọc N1 khai: số tiền bị cáo cho những người liên quan vay là tiền cá nhân của bị cáo, việc bị cáo cho vay tiền với lãi suất cao chỉ liên quan đến một mình bị cáo, vợ bị cáo và những người trong gia đình không biết. Bị cáo cho những người liên quan vay tiền, khi họ chậm trả lãi và gốc, bị cáo chỉ gọi điện nhắc nhở, không đe dọa hay có hành vi đánh những người vay tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Đức K khai: cháu và bị cáo Đỗ Ngọc N1 chỉ quen biết do cháu đi học hay sang quán bi a của bị cáo chơi. Trong khi chơi tại quán, cháu biết bị cáo N1 có cho vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Do có nhu cầu vay tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên cháu đã nhiều lần vay bị cáo N1 tiền. Từ ngày 23/4/2025 đến ngày 17/5/2025 cháu đã vay bị cáo N1 10 lần, với tổng số tiền là 23.000.000 đồng. Đến ngày 13/11/2025, số tiền lãi theo thỏa thuận cháu phải trả bị cáo là 21.790.000 đồng và 23.000.000 đồng tiền gốc. Đến thời điểm này, bố cháu đã trả cho bị cáo tổng số tiền là 30.000.000 đồng, bao gồm 23.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi. Cháu đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bố cháu số tiền lãi vượt quá mà bị cáo N1 đã thu của cháu.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Đức K, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đại N2 (bố đẻ) khai: ông là bố đẻ của cháu K, ông không biết việc cháu K vay tiền của bị cáo N1 và mục đích K vay tiền. Khi cháu K không có khả năng trả tiền thì có báo ông và ông đã liên hệ với bị cáo để thỏa thuận xin không tính lãi và tìm cách trả tiền cho bị cáo. Đến nay ông đã trả cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu bị cáo phải trả cho ông số tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng cháu Nguyễn Phi L3 có lời khai: cháu là bạn học cùng với bạn K. Do chơi với nhau nên khi K có nhu cầu vay tiền của bị cáo N1 đã nhờ cháu đứng ra bảo lãnh vay hộ 03 lần, với tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Cháu không biết mục đích K vay tiền làm gì, cháu chỉ bảo lãnh khoản vay giúp K, không được hưởng lợi từ K hay bị cáo N1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các cháu Lê Đức A, anh Vũ Đức L1, anh Nguyễn Minh G và cháu Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình điều tra với nội dung: do cần vay tiền để sử dụng vào việc chi tiêu, sinh hoạt cá nhân hàng ngày nên gặp Đỗ Ngọc N1 vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tiền lãi không tính theo ngày vay mà tính theo tháng (30 ngày), N1 cắt lãi trước khi chuyển tiền vay. Các cháu Đức A, L1, G, Q yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật mà bị cáo đã thu của họ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Ngọc L2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra với nội dung: ngày 30/9/2025, anh vay của bị cáo N1 số tiền 4.500.000 đồng. Trước khi chuyển tiền cho anh, bị cáo N1 đã cắt lại số tiền lãi 675.000 đồng, trong quá trình vay anh đã trả thêm cho bị cáo 675.000

đồng tiền lãi của 01 tháng. Hiện nay anh đã trả hết tiền gốc và lãi cho bị cáo, anh không yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi suất vượt quá theo quy định.

Tại Cáo trạng số: 141/CT- VKSKV2 ngày 23 - 7 - 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Đỗ Ngọc N1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 1 Điều 57; Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc N1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; xử phạt tiền bị cáo Đỗ Ngọc N1 từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

b, Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Buộc cháu Lê Đức A nộp số tiền gốc còn nợ 10.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Đỗ Ngọc N1 nộp vào ngân sách nhà nước 126.896.574 đồng, gồm 118.500.000 đồng tiền gốc cho vay bị cáo đã thu, 7.194.519 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thực tế thu và 1.202.055 đồng tiền lãi vượt quá 20%/năm bị cáo đã thu của anh Đinh Ngọc L2.

+ Buộc bị cáo Đỗ Ngọc N1 trả lại tiền thu lợi bất chính cho ông Nguyễn Đại N2 9.862.055 đồng; cháu Lê Đức A 144.110 đồng; anh Vũ Đức L1 3.882.603 đồng; anh Nguyễn Minh G 7.862.329 đồng và cháu Lê Văn Q 7.862.329 đồng, tổng cộng 29.613.426 đồng.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X màu đen; tiêu hủy 01 sim số 0984.xxx.xxx.

+ Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng bị cáo Đỗ Ngọc N1 đã tự nguyện giao nộp ngày 20/6/2026 để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người

đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, biên bản kiểm tra điện thoại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ đầu năm 2025 đến ngày 23/4/2026, tại phường Y, tỉnh Quảng Ninh, Đỗ Ngọc N1 đã cho Nguyễn Đức K, Lê Đức A, Vũ Đức L1, Đinh Ngọc L2, Lê Văn Q và Nguyễn Minh G vay tổng cộng 128.500.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận đến các thời điểm xác định là 65.650.000 đồng; số tiền lãi tương ứng mức 20%/năm là 7.194.519 đồng; số tiền thu lợi bất chính bị cáo nhằm đạt được là 58.455.481 đồng. Bị cáo thực tế đã thu 38.010.000 đồng tiền lãi; số tiền lãi vượt mức 20%/năm thực tế đã thu là 30.815.481 đồng, còn 27.640.000 đồng tiền thu lợi bất chính chưa thu được.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với phần thu lợi bất chính bị cáo nhằm đạt được nhưng chưa thu được là 27.640.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền 58.455.481 đồng, tuy nhiên do bị phát hiện, tố giác nên bị cáo mới thu được số tiền thực tế 30.815.481 đồng, phần còn lại 27.640.000 đồng chưa thu được là do nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo. Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được; tuy nhiên đối với phần 27.640.000 đồng chưa thu được, hành vi của bị cáo là phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính và ảnh hưởng đến sự an toàn, lành mạnh của các giao dịch dân sự. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay với mức lãi suất nêu trên là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm thu lợi. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: ngày 26/8/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" (đã chấp hành xong bản án ngày 26/02/2017).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đầu thú, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo hiện tại đang nuôi 03 (ba) con nhỏ dưới 15 tuổi, được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào nhân thân, hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đồng thời một phần hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội chưa đạt theo Điều 15 Bộ luật Hình sự, do đó cần áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo là phạt tiền theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 57 Bộ luật Hình sự ở mức thấp trong khung hình phạt là phù hợp, vừa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên bị cáo là lao động tự do, do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về biện pháp tư pháp:

* Về số tiền gốc bị cáo đã sử dụng để cho vay và số tiền gốc người vay còn nợ đều là phương tiện phạm tội; số tiền lãi vượt quá 20%/năm bị cáo thu của anh Đinh Ngọc L2, anh L2 không yêu cầu bị cáo trả lại; số tiền lãi (chưa đến 20%/năm) mặc dù không tính để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng là thu lợi từ việc phạm tội, cần truy thu để sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể là:

- Truy thu của bị cáo Đỗ Ngọc N1 tổng số tiền 126.896.574 đồng để sung Ngân sách nhà nước (trong đó: 118.500.000 đồng là tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo; 7.194.519 đồng là tiền lãi chưa vượt quá 20%/năm mà bị cáo đã thu được của người vay; 1.202.055 đồng là số tiền lãi vượt quá 20%/năm bị cáo đã thu của anh Đinh Ngọc L2).

- Buộc cháu Lê Đức A nộp lại số tiền 10.000.000 đồng là tiền vay gốc chưa trả cho Đỗ Ngọc N1 để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

* Về số tiền 29.613.426 đồng, lãi suất vượt quá 20%/năm là tiền thu lợi bất chính của người vay, cần buộc bị cáo phải trả cho những người vay. Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã thu của cháu K và ông N2 cần trả lại cho ông N2.

- Đối với số tiền 50.000.000đ bị cáo tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra đã được chuyển tới Kho bạc Nhà nước khu vực 3, tỉnh Quảng Ninh cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen của bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo nên cần hủy quyết định "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và quyết định "Tạm hoãn xuất cảnh" đang được áp dụng đối với bị cáo.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 35; Điều 50; khoản 1 Điều 57 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đỗ Ngọc N1 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Truy thu của bị cáo Đỗ Ngọc N1 tổng số tiền 126.896.574 đồng để sung Ngân sách nhà nước (trong đó: 118.500.000 đồng là tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo; 7.194.519 đồng là tiền lãi chưa vượt quá 20%/năm mà bị cáo đã thu được của người vay; 1.202.055 đồng là số tiền lãi vượt quá 20%/năm bị cáo đã thu của anh Đinh Ngọc L2).

- Buộc bị cáo Đỗ Ngọc N1 trả lại tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu cho 04 người vay và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tổng số 29.613.426 đồng, cụ thể: ông Nguyễn Đại N2 9.862.055 đồng; Lê Đức A 144.110 đồng; Vũ Đức L1 3.882.603 đồng; Nguyễn Minh G 7.862.329 đồng và Lê Văn Q 7.862.329 đồng.

- Buộc cháu Lê Đức A nộp lại số tiền 10.000.000 đồng là tiền vay gốc chưa trả cho Đỗ Ngọc N1 để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

* Tạm giữ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo biên bản giao nhận tài sản ngày 25/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra (phòng Cảnh sát hình sự) Công an tỉnh Quảng Ninh và Phòng giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực 3 để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) sim điện thoại số 0984.xxx.xxx

(Số vật chứng, tài sản trên hiện đang lưu giữ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh).

4. Về xử lý biện pháp ngăn chặn: căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" số 210/2026/LCCT - HS ngày 28/7/2026 và " Quyết định tạm hoãn xuất cảnh" số 347/2026/QĐTHXC - HS ngày 28/7/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh đối với bị cáo Đỗ Ngọc N1 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Đỗ Ngọc N1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Vũ Khắc Hoàn - Đỗ Thị Kim Chinh	**Trần Thị Như Quỳnh**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Viện kiểm sát ND khu vực 2 - Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Như Quỳnh